

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 1215/2025/DS-ST
Ngày 30-9-2025
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Bảo Ngọc.

Các Hội Thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Kim Nguyên;

2. Bà Hà Thị Gái.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Phương.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Lê Mỹ Phương.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 324/2025/TLST-DS ngày 23 tháng 5 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định hoãn phiên tòa số 501/2025/QĐST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1/ Ông Nguyễn Tấn Kh, sinh năm 1963;

2/ Bà Ngụy Ngọc Ng, sinh năm 1983;

Cùng địa chỉ: Số T Đường L, phường H (trước là Phường M, Quận 10), Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là: Ông Nguyễn Đình A, sinh năm 1990. (theo Giấy ủy quyền lập ngày 08/5/2025 tại Văn phòng Công chứng T, Thành phố H) (có mặt)

- Bị đơn: Công ty Cổ phần đầu tư Bất động sản T M; Địa chỉ trụ sở chính: Số H

Đường N, phường A (trước là Phường C, Quận 5), Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần đầu tư Bất động sản T M là: Bà Nguyễn Vũ Thiên D, sinh năm 1976; Địa chỉ: Số H Đường N, phường A (trước là Phường C, Quận 5), Thành phố H. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Ông Nguyễn Đình A là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Tấn Kh và bà Ngụy Ngọc Ng có ý kiến như sau:

Để phục vụ hoạt động kinh doanh, ngày 09/11/2023 Công ty Cổ phần đầu tư Bất động sản T M (viết tắt là Công ty T M) có vay của ông Nguyễn Tấn Kh, bà Ngụy Ngọc Ng số tiền 5.000.000.000đ (Năm tỷ đồng). Việc cho vay này được ông Kh, bà Ng và Công ty T M lập thành Hợp đồng vay tiền và có sự làm chứng của Bà Nguyễn Vũ Thiên D – Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty T M, với các nội dung như sau:

- Thời hạn cho vay: 05 (năm) tháng, tính từ ngày 09/11/2023;

- Lãi suất cho vay: 01%/tháng và được thanh toán theo định kỳ vào ngày 09 dương lịch hàng tháng.

- Biện pháp bảo đảm: Để đảm bảo nghĩa vụ trả tiền vay và lãi suất, bên vay đã thế chấp tài sản cho Bên cho vay là Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 549, tờ bản đồ số 00 tại địa chỉ: Ấp C, xã L, huyện L, tỉnh B (nay là xã L, tỉnh Đ N)) căn cứ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: DD979794, số vào sổ cấp GCN: CT36877 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 04/01/2022.

Thực hiện Hợp đồng vay tiền nêu trên, ngay sau khi ký Hợp đồng vay, ông Kh, bà Ng giao đủ số tiền vay 5.000.000.000đ (Năm tỷ đồng) cho Công ty T M. Tuy nhiên giữa bên cho vay và bên vay thỏa thuận, đồng ý để bên cho vay trừ luôn tiền lãi suất trong hạn của tháng đầu tiên là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) nên ông Kh, bà Ng đã thực chuyển cho Công ty T M vào số tài khoản mà Công ty T M chỉ định tại khoản 2 Điều 1 Hợp đồng vay tiền ngày 09/11/2023 số tiền vay 4.950.000.000đ (Bốn tỷ, chín trăm năm mươi triệu đồng). Đồng thời, Công ty T M và bà D cũng đã bàn giao cho ông Kh, bà Ng bản chính Giấy chứng nhận số DD979794, số vào sổ cấp GCN: CT36877 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 04/01/2022. Bà D cũng đã gửi tin nhắn cho ông Kh thông qua ứng dụng Zalo xác nhận nội dung Công ty T M đã

nhận đủ số tiền vay 5.000.000.000đ (Năm tỷ đồng) do ông Kh, bà Ng cho vay theo Hợp đồng vay tiền ngày 09/11/2023.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng vay, Công ty T M chỉ thanh toán cho ông Kh, bà Ng thêm 03 (ba) tháng tiền lãi, tổng số tiền lãi suất trong hạn đã thanh toán là 04 tháng, còn lại tiền lãi trong hạn tháng 4/2024 thì đến thời điểm hiện tại, Công ty T M chưa thanh toán.

Theo thỏa thuận tại Điều 2 Hợp đồng vay tiền ngày 09/11/2023, Hợp đồng có thời hạn là 05 tháng kể từ ngày 09/11/2023 đến ngày 09/4/2024. Ngày 05/4/2024, ông Kh, bà Ng đã có Thông báo số 01/2024/TB gửi tới Công ty T M về việc hết thời hạn vay và tắt toán khoản vay, theo đó ông Kh, bà Ng đã thông báo cho Công ty T M việc Hợp đồng vay tiền sắp hết hạn và bên cho vay sẽ không gia hạn thời hạn vay, đồng thời yêu cầu Công ty T M sau khi Hợp đồng vay tiền hết hạn phải thực hiện hoàn trả toàn bộ tiền vay cho bên cho vay. Nhưng sau khi Hợp đồng vay tiền hết thời hạn và không được gia hạn như đã thông báo thì Công ty T M lại cố tình không hoàn trả tiền vay cho ông Kh, bà Ng.

Ngày 10/4/2025, ông Kh, bà Ng tiếp tục gửi Thông báo yêu cầu trả nợ tới Công ty T M nhưng đến nay Công ty T M vẫn không thực hiện hoàn trả khoản tiền đã vay, tiền lãi trong hạn chưa trả. Ông Kh, bà Ng cũng đã nhiều lần liên lạc với Bà Nguyễn Vũ Thiên D – Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Đại diện theo pháp luật của Công ty T M để yêu cầu trả nợ nhưng vẫn không có kết quả.

Công ty T M đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của bên vay trong Hợp đồng vay tiền ngày 09/11/2023, mặc dù đã được nhắc nhở và yêu cầu trả nợ nhiều lần nhưng Công ty T M không thực hiện, cố tình trốn tránh. Điều này đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp của ông Kh, bà Ng. Do đó, nguyên đơn ông Nguyễn Tấn Kh và bà Ngụy Ngọc Ng có Ông Nguyễn Đình A là người đại diện theo ủy quyền yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Yêu cầu Tòa án buộc Công ty T M phải trả ngay cho Nguyên đơn toàn bộ tiền nợ gốc là 5.000.000.000đ (Năm tỷ đồng) do Hợp đồng vay tiền ngày 09/11/2024 đã hết hạn [1];

- Yêu cầu Tòa án buộc Công ty T M phải trả ngay cho Nguyên đơn khoản tiền lãi suất trong hạn của tháng 4/2024 chưa thanh toán số tiền là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) [2];

- Yêu cầu Tòa án buộc Công ty T M phải trả cho Nguyên đơn tiền lãi suất chậm trả phát sinh đối với các khoản tiền sau đây:

+ Tiền lãi suất trong hạn tháng 4/2024 chưa thanh toán theo mức lãi suất là 0,83%/tháng tính từ ngày 10/4/2024, tính đến ngày 12/9/2025 (17 tháng) là: $(50.000.000đ \times 0,83\%/tháng) \times 17 \text{ tháng} = 7.055.000đ$ [3];

+ Tiền gốc quá hạn nhưng chưa thanh toán theo mức lãi suất là 150% x 01%/tháng = 1,5%/tháng tính từ ngày 10/4/2024, tính đến ngày 12/9/2025 (17 tháng) là: $(5.000.000.000đ \times 1,5\%/tháng) \times 17 \text{ tháng} = 1.275.000.000đ$ [4];

Tổng số tiền mà Công ty T M có nghĩa vụ phải trả cho Nguyên đơn là: [1] + [2] + [3] + [4] = 6.332.055.000đ (Sáu tỷ ba trăm ba mươi hai triệu không trăm năm mươi lăm nghìn đồng) và yêu cầu trả một lần ngay khi bản án hoặc quyết định giải quyết vụ án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

***Công ty Cổ phần đầu tư Bất động sản T M là bị đơn:** Vắng mặt.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:**

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước khi nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền:

[1.1.1] Xét, theo Đơn khởi kiện đề ngày 13/5/2025 của nguyên đơn ông Nguyễn Tấn Kh và bà Ngụy Ngọc Ng cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định đây là tranh chấp về dân sự về việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

[1.1.2] Xét, theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp: 0308964984, đăng ký lần đầu: ngày 10/6/2009, đăng ký thay đổi lần thứ: 9, ngày 26/4/2024 thì Công ty Cổ phần đầu tư Bất động sản T M có địa chỉ trụ sở chính tại số Số H Đường N, phường A (trước là Phường C, Quận 5), Thành phố H, và có người đại diện theo pháp luật là Bà Nguyễn Vũ

Thiên D, sinh năm 1976, địa chỉ thường trú/địa chỉ liên lạc tại số Số H Đường N, phường A (trước là Phường C, Quận 5), Thành phố H.

Xét, tại Điều 4 của Hợp đồng vay tiền ngày 09/11/2023 thì các bên trong hợp đồng thỏa thuận với nhau về việc *“Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu phát sinh tranh chấp, các bên cùng nhau thương lượng giải quyết trên nguyên tắc tôn trọng quyền lợi của nhau, trong trường hợp không giải quyết được, thì các bên có quyền khởi kiện để yêu cầu tòa án có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật. Bên A và Bên B cùng thống nhất lựa chọn Tòa án nhân dân quận 10, Tp.Hồ Chí Minh nơi Bên A cư trú để giải quyết tranh chấp.”* nên theo quy định tại khoản 1 Điều 35 (đã được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025), điểm b Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì tranh chấp nêu trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự:

- Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đương sự để nộp bản tự khai, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn Công ty Cổ phần đầu tư Bất động sản T M đều vắng mặt.

- Tại phiên tòa, bị đơn Công ty Cổ phần đầu tư Bất động sản T M tiếp tục vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Căn cứ Điều 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt đương sự có tên nêu trên.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1.1] Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện vào ngày 09/11/2023 ông Nguyễn Tấn Kh và bà Ngụy Ngọc Ng có cho Công ty Cổ phần đầu tư Bất động sản T M (viết tắt là Công ty T M) vay 5.000.000.000đ (Năm tỷ đồng), thời hạn cho vay là 05 (năm) tháng kể từ ngày 09/11/2023, lãi suất cho vay là 1%/tháng, trả tiền lãi vào ngày 09 dương lịch hàng tháng. Xét, nội dung thỏa thuận của các bên tại Hợp đồng vay tiền ngày 09/11/2023 là phù hợp theo quy định tại Điều 117, 118, 119 nên có giá trị pháp lý và làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng.

[2.1.2] Tại Điều 1 của Hợp đồng vay tiền ngày 09/11/2023 quy định: *“1. Số tiền mà bên A cho bên B vay theo hợp đồng này là: 5.000.000.000 đồng (Năm tỷ đồng). 2. Bên A sẽ giao toàn bộ một lần bằng hình thức chuyển khoản*

vào tài khoản của bên B theo thông tin như sau: Số tài khoản: 0071001075323, Mở tại: Ngân hàng V – Chi nhánh TP H”. Tuy nhiên, căn cứ Bảng sao kê tài khoản đề ngày 08/9/2025 do Ngân hàng V cung cấp có cơ sở xác định tổng số tiền mà ông Nguyễn Tấn Kh đã chuyển khoản cho Công ty T M vào ngày 09/11/2023 là 4.950.000.000đ (Bốn tỷ, chín trăm năm mươi triệu đồng).

[2.1.3] Theo lời khai của nguyên đơn thì nguyên đơn và bị đơn thống nhất cân trừ 50.000.000đ tiền lãi của tháng đầu tiên (tức tháng 12/2023) vào 5.000.000.000đ tiền gốc nên số tiền thực tế nguyên đơn còn phải chuyển khoản cho Công ty T M là 4.950.000.000đ. Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng bị đơn đều vắng mặt, cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không giao nộp các tài liệu chứng cứ có liên quan đến vụ án. Do đó, có cơ sở xác định bị đơn đã nhận đủ số tiền vay 5.000.000.000đ (Năm tỷ đồng) của nguyên đơn.

[2.1.4] Tại khoản 2 Điều 5 của Hợp đồng vay tiền ngày 09/11/2023 quy định “Hoàn trả toàn bộ tiền gốc và tiền lãi phát sinh khi hết thời hạn vay theo hợp đồng này.”; và theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện bị đơn chỉ trả được tiền lãi của tháng 1, tháng 2, tháng 3/2024; và từ ngày 09/4/2023 (ngày hết hạn của hợp đồng) bị đơn đã không hoàn trả 5.000.000.000đ tiền gốc và 50.000.000đ tiền lãi của tháng 4/2024 dù nguyên đơn đã nhiều lần gửi thông báo yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả nợ. Căn cứ Điều 357, 463, 466 Bộ luật Dân sự thì yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả tiền gốc và tiền lãi còn nợ là có cơ sở nên được chấp nhận.

[2.1.5] Theo khoản 5 Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự quy định:

“5. Trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi như sau:

a) Lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả; trường hợp chậm trả thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này;

b) Lãi suất trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất vay theo hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.”

“2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ.”

Đối chiếu quy định nêu trên, xét thấy mức lãi suất trong hạn mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng (01%/tháng tương đương 12%/năm) là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự, mức lãi suất chậm trả (0,83%/tháng) và mức lãi suất quá hạn ($150\% \times 01\%/tháng = 1,5\%/tháng$) mà nguyên đơn làm căn cứ để tính tiền lãi do chậm trả, tiền lãi quá hạn là phù hợp theo quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.1.6] Như vậy, tính đến ngày 12/9/2025 bị đơn còn nợ nguyên đơn các khoản tiền như sau:

+ Tiền gốc là 5.000.000.000đ (Năm tỷ đồng)

+ Tiền lãi của tháng 4/2024 là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

+ Tiền lãi chậm trả tính từ ngày 10/4/2024 đến ngày 12/9/2025 là: $(50.000.000đ \times 0,83\%/tháng) \times 17 \text{ tháng} = 7.055.000đ$ (Bảy triệu, không trăm năm mươi lăm ngàn đồng)

+ Tiền lãi quá hạn tính từ ngày 10/4/2024 đến ngày 12/9/2025 là: $(5.000.000.000đ \times 1,5\%/tháng) \times 17 \text{ tháng} = 1.275.000.000đ$. (Một tỷ, hai trăm bảy mươi lăm triệu đồng)

Tổng số tiền mà bị đơn Công ty T M phải trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Tấn Kh và bà Ngụy Ngọc Ng là 6.332.055.000đ (Sáu tỷ, ba trăm ba mươi hai triệu, không trăm năm mươi lăm ngàn đồng).

[2.1.7] Về thời hạn và phương thức trả nợ: Xét, số tiền mà Công ty T M đã vay của ông Nguyễn Tấn Kh và bà Ngụy Ngọc Ng đã quá thời hạn mà các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng vay tiền ngày 09/11/2023 nên cần thiết buộc Công ty T M có nghĩa vụ trả một lần tổng số tiền còn nợ nên trên cho ông Kh và bà Nguyệt ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 266, Điều 271, 273, Điều 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

- Căn cứ Điều 117, 118, 119, 357, 463, 465, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2008.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc Công ty Cổ phần Bất động sản Thiên Minh phải trả cho ông Nguyễn Tấn Kh và bà Ngụy Ngọc Ng tổng số tiền còn nợ là 6.332.055.000đ (Sáu tỷ, ba trăm ba mươi hai triệu, không trăm năm mươi lăm ngàn đồng). Trong đó: Tiền gốc là 5.000.000.000đ, Tiền lãi của tháng 4/2024 là 50.000.000đ, Tiền lãi chậm trả là 7.055.000đ, Tiền lãi quá hạn là 1.275.000.000đ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng.

2. Về án phí sơ thẩm: Công ty Cổ phần Bất động sản Thiên Minh phải chịu số tiền là 114.332.055đ (Một trăm mười bốn triệu, ba trăm ba mươi hai ngàn, không trăm năm mươi lăm đồng). Hoàn lại cho ông Nguyễn Tấn Kh và bà Ngụy Ngọc Ng 57.618.237đ (Năm mươi bảy triệu, sáu trăm mười tám ngàn, hai trăm ba mươi bảy đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0075787 ngày 22/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh.)

3. Về quyền kháng cáo: Đối với đương sự có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày được nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- VKSND Tp.HCM;
- VKSND KV4, Tp.HCM
- Phòng THADS KV4, Tp.HCM. (trước là Chi cục THADS Q.10, Tp.HCM);
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Bảo Ngọc